

**THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
Quyền sử dụng đất 133 lô đất ở khu dân cư xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá (Khu dân cư tập trung).

**Tổ chức đấu giá tài sản:** Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**Đơn vị có tài sản đấu giá:** Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc. Địa chỉ: đường Trịnh Khả, Khu 3, Thị trấn Vĩnh lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**1. Tài sản đấu giá, diện tích, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước:**

- Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất 133 lô đất ở Khu dân cư xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá (Khu dân cư tập trung).

- Vị trí khu đất: Tại thôn 6, 7, 8, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá;

(Chi tiết được phê duyệt tại Mặt bằng quy hoạch kèm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND huyện Vĩnh Lộc), bao gồm 133 lô đất với tổng diện tích 25.563,4 m<sup>2</sup>, cụ thể như sau:

TT	Lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm/01 lô đất (đồng)	Tiền đặt trước tham gia đấu giá (đồng)/01 lô đất	Tiền Hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)
<b>I. Đất ở kiểu chia lô LK1</b>						
1	LK1: 1	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
2	LK1: 2	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
3	LK1: 3	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
4	LK1: 4	171,0	10.920.000	1.867.320.000	373.464.000	500.000
5	LK1: 5	196,0	8.100.000	1.587.600.000	317.520.000	500.000
6	LK1: 6	196,0	8.100.000	1.587.600.000	317.520.000	500.000
7	LK1: 7	196,0	8.100.000	1.587.600.000	317.520.000	500.000
8	LK1: 8	196,0	8.100.000	1.587.600.000	317.520.000	500.000
9	LK1: 9	196,0	8.100.000	1.587.600.000	317.520.000	500.000
<b>II. Đất ở kiểu chia lô LK2</b>						
10	LK2: 1	183,1	9.720.000	1.779.732.000	355.946.400	500.000
11	LK2: 2	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
12	LK2: 3	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
13	LK2: 4	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
14	LK2: 5	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
15	LK2: 6	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000

16	LK2: 7	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
17	LK2: 8	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
18	LK2: 9	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
19	LK2: 10	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
20	LK2: 13	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
21	LK2: 14	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
22	LK2: 18	175,0	9.000.000	1.575.000.000	315.000.000	500.000
23	LK2: 19	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
24	LK2: 20	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
25	LK2: 21	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
26	LK2: 22	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
27	LK2: 23	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
28	LK2: 24	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
29	LK2: 25	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
30	LK2: 26	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
31	LK2: 27	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
32	LK2: 29	178,5	10.550.000	1.883.175.000	376.635.000	500.000
33	LK2: 30	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
34	LK2: 33	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
35	LK2: 34	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
36	LK2: 37	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
<b>III. Đất ở kiểu biệt thự</b>						
<b>a. Đất ở kiểu biệt thự BT1</b>						
37	BT1: 1	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
38	BT1: 2	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
39	BT1: 7	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
40	BT1: 8	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
<b>b. Đất ở kiểu biệt thự BT2</b>						
41	BT2: 1	489,5	8.400.000	4.111.800.000	822.360.000	500.000
42	BT2: 2	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
43	BT2: 4	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
44	BT2: 5	390,0	7.000.000	2.730.000.000	546.000.000	500.000
<b>IV. Đất ở kiểu chia lô LK3</b>						
45	LK3: 1	215,5	9.720.000	2.094.660.000	418.932.000	500.000
46	LK3: 4	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
47	LK3: 5	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
48	LK3: 6	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000

49	LK3: 7	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
50	LK3: 8	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
51	LK3: 9	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
52	LK3: 10	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
53	LK3: 11	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
54	LK3: 12	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
55	LK3: 13	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
56	LK3: 14	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
57	LK3: 15	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
58	LK3: 16	175,0	8.100.000	1.417.500.000	283.500.000	500.000
59	LK3: 17	215,5	9.720.000	2.094.660.000	418.932.000	500.000
60	LK3: 20	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
61	LK3: 28	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
62	LK3: 29	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
63	LK3: 31	178,5	9.100.000	1.624.350.000	324.870.000	500.000
64	LK3: 34	219,9	10.920.000	2.401.308.000	480.261.600	500.000
<b>V. Đất ở kiểu chia lô LK4</b>						
65	LK4: 1	195,5	10.920.000	2.134.860.000	426.972.000	500.000
66	LK4: 2	187,5	9.100.000	1.706.250.000	341.250.000	500.000
67	LK4: 3	187,5	9.100.000	1.706.250.000	341.250.000	500.000
<b>VI. Đất ở kiểu chia lô LK5</b>						
68	LK5: 1	174,0	9.720.000	1.691.280.000	338.256.000	500.000
69	LK5: 2	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
70	LK5: 3	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
71	LK5: 4	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
72	LK5: 5	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
73	LK5: 6	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
74	LK5: 7	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
75	LK5: 8	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
76	LK5: 9	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
77	LK5: 10	178,5	8.100.000	1.445.850.000	289.170.000	500.000
78	LK5: 11	169,0	9.720.000	1.642.680.000	328.536.000	500.000
79	LK5: 16	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
80	LK5: 17	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
81	LK5: 18	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
82	LK5: 19	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
83	LK5: 20	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000

Đ: 3  
 CÔNG  
 GIÁ H  
 HẤT A  
 HI HÀNH  
 T/VH HO.

84	LK5: 21	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
85	LK5: 22	170,5	10.920.000	1.861.860.000	372.372.000	500.000
<b>VI. Đất ở kiểu chia lô LK6</b>						
86	LK6: 1	200,0	9.100.000	1.820.000.000	364.000.000	500.000
87	LK6: 2	200,0	9.100.000	1.820.000.000	364.000.000	500.000
88	LK6: 3	200,0	9.100.000	1.820.000.000	364.000.000	500.000
89	LK6: 4	200,0	10.550.000	2.110.000.000	422.000.000	500.000
90	LK6: 5	181,9	9.000.000	1.637.100.000	327.420.000	500.000
91	LK6: 6	201,4	8.100.000	1.631.340.000	326.268.000	500.000
92	LK6: 7	221,0	8.100.000	1.790.100.000	358.020.000	500.000
93	LK6: 8	240,6	8.100.000	1.948.860.000	389.772.000	500.000
94	LK6: 9	175,0	10.550.000	1.846.250.000	369.250.000	500.000
95	LK6: 10	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
96	LK6: 11	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
97	LK6: 12	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
98	LK6: 14	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
99	LK6: 15	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
100	LK6: 16	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
101	LK6: 17	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
102	LK6: 18	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
103	LK6: 19	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
104	LK6: 20	175,0	10.550.000	1.846.250.000	369.250.000	500.000
105	LK6: 29	147,0	8.100.000	1.190.700.000	238.140.000	500.000
106	LK6: 35	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
107	LK6: 36	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
108	LK6: 37	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
109	LK6: 40	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
110	LK6: 41	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
111	LK6: 42	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
<b>VII. Đất ở kiểu chia lô LK7</b>						
112	LK7: 3	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
113	LK7: 4	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
114	LK7: 5	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
115	LK7: 6	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
116	LK7: 7	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
117	LK7: 8	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
118	LK7: 12	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000

119	LK7: 13	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
120	LK7: 14	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
121	LK7: 15	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
122	LK7: 16	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
123	LK7: 17	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
124	LK7: 18	175,0	10.550.000	1.846.250.000	369.250.000	500.000
125	LK7: 20	147,0	8.100.000	1.190.700.000	238.140.000	500.000
126	LK7: 24	147,0	8.100.000	1.190.700.000	238.140.000	500.000
127	LK7: 38	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
128	LK7: 39	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
129	LK7: 40	175,0	9.100.000	1.592.500.000	318.500.000	500.000
130	LK7: 41	228,0	10.920.000	2.489.760.000	497.952.000	500.000
131	LK7: 43	147,0	8.100.000	1.190.700.000	238.140.000	500.000
132	LK7: 44	147,0	8.100.000	1.190.700.000	238.140.000	500.000
133	LK7: 46	147,0	9.000.000	1.323.000.000	264.600.000	500.000
<b>Tổng</b>		<b>25563,4</b>		<b>220.787.395.000</b>	<b>44.157.479.000</b>	<b>66.500.000</b>

## 2. Mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng và hiện trạng khu đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.
- Hình thức: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

## 3. Đối tượng và điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

**3.1. Đối tượng được tham gia đấu giá:** Hộ gia đình, cá nhân trong nước có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của điều 55 Luật Đất đai, có đủ điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo Điều 4 Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa và có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### 3.2. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá phải thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định đã được nêu tại mục 3.1.

- Người tham gia đấu giá phải hoàn thành và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, bao gồm:

+ Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa phát hành.

+ Có bản cam kết của người tham gia đấu giá về việc: Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá không còn nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Cụ thể:

\* Người tham gia đấu giá là hộ gia đình, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ thuế, thì không phải thực hiện việc xác nhận nợ đọng thuế, các khoản nộp NSNN.

\* Người tham gia đấu giá là hộ kinh doanh có phát sinh nghĩa vụ thuế, trong thành phần hồ sơ phải có văn bản xác nhận không còn nợ đọng thuế, các khoản nộp NSNN của Chi cục Thuế khu vực thực hiện kê khai nộp thuế.

+ Có bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

- Trong 01 (một) lô đất đấu giá, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá lô đất đó;

- Chứng minh là chủ thể đăng ký tham gia đấu giá, trong trường hợp chủ thể đăng ký không thể tham gia đấu giá được thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải đảm bảo theo quy định của pháp luật (nếu ủy quyền phải có hợp đồng/giấy ủy quyền được cơ quan có thẩm quyền xác nhận).

- Có hồ sơ tham gia đấu giá, phiếu trả giá đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Nộp đủ tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ tương ứng với số lượng, vị trí lô đất đăng ký tham gia đấu giá theo đúng quy định.

#### **4. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá gồm có:**

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu (Có đóng dấu treo của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – CN Thanh Hóa, có nội dung cam kết không nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp NSNN theo quy định);

- Bản cam kết của người đăng ký tham gia đấu giá;

- Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn);

- Chứng từ xác định việc nộp khoản tiền đặt trước;

- Chứng từ xác định việc nộp khoản tiền (phí) mua hồ sơ;

- Phiếu trả giá được bỏ vào phong bì được bọc bằng chất liệu bảo mật;

- Hợp đồng ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

#### **5. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:**

- Hình thức đấu giá: Đấu giá theo hình thức bỏ phiếu gián tiếp.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

Cách thức đấu giá: Đấu 01 (một) vòng duy nhất đối với từng lô đất. Trả giá theo lô đất.

#### **6. Thời gian, địa điểm xem tài sản (trong giờ hành chính):**

- Thời gian: Liên tục trong 02 ngày, ngày 15/06/2023 và ngày 16/06/2023.

- Địa điểm: Tại thực địa khu đất đấu giá (Khách hàng liên hệ với UBND xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc hoặc Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa).

**Lưu ý:** Người tham gia đấu giá có thể chủ động đi thăm thực địa khu đất đấu giá trong khoảng thời gian từ ngày niêm yết thông báo đấu giá đến hết thời gian thu hồ sơ đấu giá (khách hàng liên hệ với Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa để được hướng dẫn).

#### **7. Thời gian, địa điểm bán và tiếp nhận/nộp hồ sơ tham gia đấu giá (trong giờ hành chính):**

Từ 08h00 phút ngày 09/06/2023 đến 16h30 phút ngày 23/06/2023 tại Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hoá và Tại trụ sở UBND xã Minh Tân.;

#### **8. Thời gian, địa điểm nộp phiếu trả giá (trong giờ hành chính):**

Từ 08h00 phút đến 16h30 phút ngày 24/06/2023 tại Hội trường UBND xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc.

**Lưu ý:** Phiếu trả giá được bỏ vào phong bì được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Khách hàng trả giá hợp lệ là những khách

hàng đã nộp hồ sơ và tiền đặt trước theo quy định. Chỉ những khách hàng đã nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước theo đúng quy định mới được bỏ phiếu trả giá vào hòm phiếu.

**9. Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:**

- Thời gian: Từ Ngày 21/06/2023 đến 16h30 ngày 23/06/2023.  
- Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH NHẤT AN PHÚ.

+ Số tài khoản: 3531238123999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh số 3 Thanh Hóa, Địa chỉ: Số 248 Bà Triệu, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá

+ Nội dung: “Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá (số CMND/CCCD) ..., nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất đối với ... (số lượng) lô đất tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc”.

Lưu ý: Khoản tiền đặt trước được tính là hợp lệ căn cứ thông tin số dư hiển thị trên hệ thống ngân hàng trên của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 16h30 phút ngày 23/06/2023.

**10. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá (Buổi công bố giá):**

- Thời gian: Vào hồi 08h30 phút ngày 26/06/2023 (Thứ Hai).

- Địa điểm: Tại Hội trường UBND xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Lưu ý:

- Người tham gia đấu giá cần đến trước thời gian tổ chức cuộc đấu giá tối thiểu là 15 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá.

- Khi đến tham dự buổi công bố giá, khách hàng phải mang theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản gốc) để chứng minh là chủ thể đăng ký tham gia đấu giá.

- Tại cuộc đấu giá, nếu khách hàng vắng mặt hoặc không có mặt đúng thời gian và địa điểm mà không thuộc trường hợp bất khả kháng thì số tiền đặt trước sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu giá tài sản.

Mọi thông tin liên hệ:

Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, số điện thoại: 0974.487.448/0942.738.991/0237.2.234.888.

Nơi nhận:

- UBND huyện Vĩnh Lộc;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Minh Tân;
- Đài PT và TH tỉnh Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu HS, VT./.

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH  
NHẤT AN PHÚ - CN THANH HÓA



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
Nguyễn Ngọc Linh Chi